

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-ST

Ngày: 21 – 5 – 2020

V/v “Tranh chấp chuyển giao nghĩa  
vụ dân sự và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã NP, huyện U, tỉnh Cà Mau.

***- Bị đơn:*** Bà **Huỳnh Thuý K**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường NQ, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bị đơn (theo các văn bản ủy quyền ngày 27/8/2018 và ngày 19/12/2019): Ông **Ngô Đình Ch**, sinh năm: 1958. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường PHT, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà **Khuru Thị Tú L**, sinh năm 1979. (vắng mặt)

2. Ông **Lê Đình C1**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Đường NKKN, tổ 29, khu phố B, phường E, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:*

Khoảng năm 2011 – 2012 ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L có vay tiền của bà nhiều lần, tổng cộng 500.000.000 đồng tiền vốn. Lãi suất thoả thuận 3%/tháng. Quá trình vay, ông C1, bà L không thanh toán được nợ cho bà. Khi đó, bà Huỳnh Thúy K đứng ra nhận trách nhiệm trả thay ông C1, bà L khoản nợ nêu trên. Do trong thời gian dài mà bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay nên bà kiện bà K yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu của bà đã được Toà án thụ lý giải quyết qua nhiều cấp xét xử. Đến ngày 09/5/2019, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xét xử phúc thẩm vụ án. Vụ việc tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự giữa bà với bà Huỳnh Thúy K đã được giải quyết bằng bản án dân sự phúc thẩm số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019, huỷ và sửa một phần bản án sơ thẩm số 113/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Toà án nhân dân thành phố C, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo quy định. Khi Toà án sơ thẩm thụ lý lại, do bà không đồng ý với phán quyết của Toà án cấp phúc thẩm tại bản án số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 nên bà có trình bày với Toà án nhân dân thành phố C rằng bà yêu cầu giám đốc thẩm vụ án. Tuy nhiên sau đó bà không còn yêu cầu này nữa. Nay bà xác định bà đồng ý với Bản án số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau. Bà không yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

*Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Đình Ch – đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

- Bản án phúc thẩm số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau buộc bà Huỳnh Thúy K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền vốn vay 500.000.000 đồng từ thoả thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ vay do ông C1, bà L vay bà P. Phán quyết định này của Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Do nợ là nợ của ông C1, bà L nên bà K yêu cầu ông C1, bà L trả cho bà K số tiền 500.000.000 đồng mà Bản án phúc thẩm đã tuyên buộc bà K thực hiện.

- Bên cạnh đó, năm 2007 ông C1 và bà L còn nợ bà K khoản tiền vay 2.400.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 1,5%/tháng. Việc vay ông C1 có làm biên nhận nợ ngày 16/4/2007. Từ khi vay đến nay, ông C1, bà L chưa thanh toán được vốn, lãi cho bà K. Do đó, bà K yêu cầu ông C1, bà L phải thanh toán cho bà K số tiền vay 2.400.000.000 đồng nêu trên.

*Tại phiên toà, ông Ngô Đình Ch - đại diện hợp pháp của bà K xác định:*

Bà K không yêu cầu ông C1, bà L trả cho bà K số tiền 500.000.000 đồng nên bà K rút lại yêu cầu này. Bà K chỉ yêu cầu ông C1, bà L thanh toán cho bà K số tiền vay 2.400.000.000 đồng. Bà K không còn yêu cầu nào khác.

*Đối với ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L:* Tại các biên bản ghi ý kiến của ông C1, bà L vào các ngày 25/01/2019, ngày 06/01/2020 ông C1 và bà L xác định:

- Khoản nợ vợ chồng ông, bà nợ bà P 500.000.000 đồng trước đây, bà K nhận trách nhiệm trả nợ bà P thay ông, bà là do bà P mua lại xưởng gỗ của ông, bà toạ lạc tại xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng bà và bà K thoả thuận bà K trả

bà P 500.000.000 đồng sẽ đối trừ vào tiền bà K nhận chuyển nhượng xưởng gỗ của vợ chồng ông, bà. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu của bà K về việc yêu cầu ông, bà trả lại bà K 500.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu của bà K về việc yêu cầu vợ chồng ông, bà trả bà K số tiền 2.400.000.000 đồng: Ông, bà xác định không nợ bà K số tiền này nên không đồng ý trả. Ông C1 cho rằng ông viết Biên nhận ngày 16/4/2007 là nhằm hợp thức hóa giấy tờ để cân trừ nợ chứ thực tế ông và bà L không vay tiền bà K như nội dung biên nhận.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C trình bày quan điểm như sau:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thúy K đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L về việc yêu cầu ông C1, bà L thanh toán số tiền 2.400.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu ông C1, bà L trả lại bà số tiền 500.000.000 đồng do bà thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị Bích P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện bà Huỳnh Thúy K, yêu cầu bà K thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ do đã nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L. Bà Trần Thúy K yêu cầu phản tố đối với ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L, yêu cầu ông C1 bà L trả lại cho bà số tiền bà nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà K, đồng thời bà K yêu cầu ông C1 và bà L trả cho bà số tiền vay từ năm 2007. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự và tranh chấp đòi lại tài sản. Loại việc tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, bà. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C1, bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích P: Bà P xác định yêu cầu của bà đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Nay bà không yêu cầu giám đốc thẩm, bà thống nhất với Bản án phúc thẩm nêu trên nên bà không còn yêu cầu gì trong vụ án này. Do bà P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thúy K về việc bà yêu cầu ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L trả cho bà K số tiền 500.000.000 đồng mà Bản án dân sự phúc thẩm số 136/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã

tuyên buộc bà thực hiện: Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của bà K xác định bà K rút lại yêu cầu nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ yêu cầu này của bà K.

[4] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thuý K về việc yêu cầu ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L trả cho bà số tiền 2.400.000.000 đồng mà ông C1, bà L đã vay của bà năm 2007: Ông C1 và bà L không thừa nhận khoản nợ này. Ông C1 xác định việc ông viết bên nhận ngày 16/4/2007 cho bà K với mục đích hợp thức hoá giấy tờ để cân trừ nợ. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trước khi tiến hành thủ tục giám định chữ ký, chữ viết của ông Lê Đình C1 đối với Biên nhận đề ngày 16/4/2007, ông C1 không thừa nhận Biên nhận nêu trên là do ông viết (thể hiện tại Biên bản ngày 25/01/2019). Sau khi có Kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền đối với chữ ký, chữ viết của ông C1 đối với Biên nhận ngày 16/4/2007, ông C1 thừa nhận Biên nhận nêu trên là do ông viết (thể hiện tại Biên bản ngày 06/01/2020). Tuy nhiên ông C1, bà L không thừa nhận khoản nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông C1 và bà L không thừa nhận khoản nợ 2.400.000.000 đồng, bà L trình bày bà không biết gì đến khoản tiền vay 2.400.000.000 đồng nêu trên, nhưng ông C1, bà L không đưa ra được chứng cứ cụ thể để chứng minh cho lời trình bày của ông, bà là có căn cứ. Do đó, căn cứ vào lời thừa nhận của ông C1 về việc Biên nhận ngày 16/4/2007 là do ông viết, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà K về việc yêu cầu ông C1 và bà L trả cho bà số tiền 2.400.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà K.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà Huỳnh Thuý K nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà K không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ 166 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thuý K đối với ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L. Buộc ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L liên đới trả cho bà Huỳnh Thuý K số tiền 2.400.000.000 đồng (*hai tỷ bốn trăm triệu đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thuý K đối với ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L về việc bà K yêu cầu ông C1, bà L trả bà K số tiền 500.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bà Huỳnh Thuý K có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L phải chịu án phí số tiền 80.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Huỳnh Thuý K không phải chịu án phí. Ngày 05/12/2019 bà Huỳnh Thuý K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001081), bà K được hoàn lại số tiền đã dự nộp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích P, bà Huỳnh Thuý K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Đình C1 và bà Khuru Thị Tú L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân